



Chủ tịch Hồ Chí Minh
(Tranh sơn dầu của họa sĩ Đỗ Cung)

sản Pháp, trực tiếp tìm hiểu Đảng Cộng sản Liên Xô và các đảng anh em khác, Người tiếp thu nhiều tri thức và kinh nghiệm, đồng thời, chú ý đến đặc điểm xã hội và con người của các dân tộc phương Đông để vận dụng nguyên lý xây dựng một đảng kiểu mới của chủ nghĩa Mác-Lênin cho phù hợp.

Hoạt động trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh sớm nhận thức và khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, về sự cần thiết phải có Đảng Cộng sản để lãnh đạo sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Trong những năm 20 của thế kỷ XX, trong một số bài viết về Lê nin và chủ nghĩa Lê nin, Người đã nhiều lần đề cập đến sự cần thiết phải thành lập Đảng Cộng sản theo học thuyết của Lê nin ở các nước thuộc địa.

SÁNG TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN Ở VIỆT NAM

TS. LÊ VĂN YÊN

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

Trong chiến lược cách mạng của Hồ Chí Minh, quan điểm xây dựng Đảng Cộng sản ở một nước thuộc địa để lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc là quan điểm cực kỳ quan trọng. Quan điểm này được hình thành khi Người bắt gặp chủ nghĩa Mác-Lênin, tìm ra con đường cứu nước. Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, Hồ Chí Minh tự nguyện đứng trong hàng ngũ những người cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản ở một nước thuộc địa, Người chú ý đến lý luận và mô hình tổ chức. Sinh hoạt trong Đảng Cộng

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người nêu rõ: “Cách mạng trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi, đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy.”(1)

Đảng Cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Tính chất giai cấp công nhân của Đảng được thể hiện cụ thể trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng phải được tổ chức chặt chẽ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phải đoàn kết thống nhất, lấy tự phê bình và

phê bình làm quy luật phát triển và phải có kỷ luật nghiêm minh. Đó là nguyên lý cơ bản của học thuyết Lênin về xây dựng đảng được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo trong việc sáng lập Đảng ta. Người đã khẳng định vấn đề có ý nghĩa quyết định trong việc xây dựng Đảng là phải theo chủ nghĩa Mác-Lênin, rằng: “Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng không có chủ nghĩa như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”(1). Song theo Người, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin “làm cốt” nhưng không nên giáo điều, rập khuôn, mà phải hiểu được bản chất cách mạng và khoa học của nó, phải tiếp thu tinh hoa văn hoá dân tộc và thời đại để vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể nước mình, đề ra đường lối cách mạng đúng đắn.

Trong điều kiện Việt Nam và các nước thuộc địa, Hồ Chí Minh cho rằng, tính chất Đảng Cộng sản không chỉ ở thành phần xuất thân từ công nhân hết thảy, mà là ý thức tư tưởng, chính trị và đường lối Mác-Lênin. Vì thế, Người kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước trong việc sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản ra đời là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân. Nếu chỉ bản thân phong trào công nhân thì không thể dẫn tới việc thành lập đảng, mà “chỉ đi đến ý thức công liên chủ nghĩa”. Là một nước thuộc địa nửa phong kiến, Việt Nam chưa có đủ những tiền đề cơ bản cho một Đảng Cộng sản ra đời như ở Nga và các nước khác. Hồ Chí Minh đã sáng tạo, kết hợp tính dân tộc và tính giai cấp để thành lập đảng. Nhân

tố dân tộc là chủ nghĩa yêu nước, nhân tố giai cấp là chủ nghĩa Mác-Lênin và phong trào công nhân. Người không chờ giai cấp công nhân Việt Nam phát triển đầy đủ về số lượng mới tổ chức Đảng Cộng sản, mà coi trọng việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân và cả phong trào yêu nước Việt Nam. Vì thế hai phong trào này hấp thụ chủ nghĩa Mác-Lênin, trở thành hành động cách mạng cụ thể của các giai cấp và các tầng lớp trong dân tộc; bằng việc tổ chức một hình thức quá độ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, gồm những thanh niên có học vấn, có tinh thần yêu nước để tiến tới thành lập Đảng. Và trên thực tế, tổ chức này đã làm nhiệm vụ chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Yêu nước là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Phong trào yêu nước ở Việt Nam được Hồ Chí Minh nhận thức đưa vào là một yếu tố cấu thành nên Đảng Cộng sản Việt Nam. Phong trào công nhân dù có tiên tiến, nhưng nếu không gắn bó với phong trào yêu nước, không trở thành nòng cốt của phong trào yêu nước, thì không đứng được trong lòng dân tộc, không mở rộng được khối đoàn kết dân tộc, không đưa được sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp đến thắng lợi. Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin là con đường mà Hồ Chí Minh đã đi qua, cho nên Người thấy rõ, trong thời đại mới, phong trào yêu nước có khả năng tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin. Do đó, đối tượng để Người truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin không chỉ là công nhân, mà còn là những người yêu nước, đã làm cho giai cấp công nhân Việt Nam chuyển mạnh từ tự phát đến tự giác.

Phong trào cách mạng ở Việt Nam ngày càng mang tính chất vô sản rõ rệt vào cuối

những năm 20 của thế kỷ XX. Trải qua một quá trình chuẩn bị chu đáo và khoa học về tư tưởng, chính trị và tổ chức, Hồ Chí Minh thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930. Sau này, Người đã tổng kết thành một luận điểm quan trọng: Chủ nghĩa Mác-Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn đến việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930. Kết hợp nhân tố dân tộc và nhân tố giai cấp trong thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là sáng tạo nổi bật của Hồ Chí Minh.

Theo Người, một đảng cách mạng chân chính không thể là tổ chức biệt lập, đóng kín, mà phải gắn bó mật thiết, hữu cơ với dân tộc và giai cấp, phải tiêu biểu cho cuộc đấu tranh của dân tộc và góp phần vào cách mạng thế giới. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác và Ăng ghen cũng đã chỉ ra rằng, giai cấp vô sản dù sinh sống trong từng quốc gia, dân tộc khác nhau, nhưng về bản chất có tính quốc tế, kẻ thù của cách mạng mỗi nước xét cho cùng, về bản chất, cũng là một lực lượng quốc tế. Tuy nhiên, cách mạng lại diễn ra tại địa bàn quốc gia, dân tộc, nên giai cấp vô sản phải tổ chức thành chính đảng, đó là tất yếu bảo đảm cho sự nghiệp cách mạng thắng lợi, mà trước hết phải chiến thắng kẻ thù ở nước mình.

Tính thống nhất ấy được Hồ Chí Minh phản ánh trong lịch sử xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng phải là hạt nhân lãnh đạo và đoàn kết dân tộc và giai cấp, phải đại biểu cho giai cấp và cho cả dân tộc. Tư tưởng chiến lược đó được thể hiện trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (1927).

Về nhân tố dân tộc, trong *Cương lĩnh đầu tiên* (1930), Người xác định rõ, Đảng phải thu phục cho được đại đa số dân cày và phải dựa chắc vào dân cày nghèo, lãnh đạo họ làm cách mạng; phải liên lạc với tiểu tư sản, tri thức, trung nông để kéo họ

về với giai cấp vô sản. Đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít ra cũng là cho họ trung lập. Chủ trương lôi kéo cả giai cấp tư sản dân tộc vào mặt trận đoàn kết dân tộc, được Hồ Chí Minh nắm chắc thực tiễn, đánh giá đầy đủ mặt tích cực của họ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Bởi vì, trong Cương lĩnh, Người đã phân tích: “tư bản bản xứ không có thể lực gì, ta không nên nói cho họ đi về phe đế quốc được”. Trong khi đánh giá của Quốc tế Cộng sản đối với giai cấp tư sản dân tộc ở các nước phương Đông có phần nghiêng về tiêu cực.

Về đoàn kết quốc tế, Người vẫn xác định rõ cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, đứng về phía cách mạng thế giới, đoàn kết chặt chẽ với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới. Trong Cương lĩnh đầu tiên (1930), Người nêu rõ: “... trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu nước *An Nam độc lập*, phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp” (2).

Để thực hiện việc tập hợp lực lượng toàn dân tộc, Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến tính tiên phong và đường lối chính trị của Đảng. Cương lĩnh đầu tiên của Đảng do Người khởi thảo, khẳng định: “Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản gồm một số lớn của giai cấp công nhân”. Trong *Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng*, Người nêu rõ vai trò lãnh đạo của Đảng: “Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập. Đó là đảng của giai cấp vô sản. Đảng sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng An Nam đấu tranh nhằm giải phóng cho toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột chúng ta” (3). Các văn kiện thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng, các bài viết và thư gửi Trung ương Đảng ta và Quốc tế Cộng sản trong những năm 30 của

thế kỷ XX, Người dùng rất nhiều từ như “thu phục”, “lôi kéo”, “liên lạc”, “tập hợp”, “diu dắt”, v.v. là khẳng định vai trò lãnh đạo tiên phong của Đảng trong việc tổ chức, tập hợp đoàn kết dân tộc dưới ngọn cờ của Đảng đấu tranh cho quyền lợi của dân tộc và giai cấp. Tinh tiên phong của Đảng, theo Hồ Chí Minh là thể hiện ở đường lối chính trị đúng đắn. Trong Cương lĩnh đầu tiên, Người “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mệnh và thổ địa cách mệnh để đi tới xã hội cộng sản”(4). Nhiệm vụ của cuộc cách mạng tư sản là dân quyền được Người xác định, đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập. Người đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu trong khi vẫn không xa rời lập trường giai cấp của giai cấp công nhân. Hồ Chí Minh coi trọng yếu tố dân tộc và kết hợp hai yếu tố đó một cách hài hoà, trong khi Quốc tế Cộng sản vào thời gian này vẫn nhấn mạnh yếu tố giai cấp và đấu tranh giai cấp.

Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Người chủ trương giải quyết vấn đề Đảng trong khuôn khổ mỗi nước ở Đông Dương, trong khi Quốc tế Cộng sản có chỉ thị thành lập một Đảng Cộng sản chung cho ba dân tộc Đông Dương. Chủ trương đó của Người tuân thủ những nguyên lý xây dựng đảng kiểu mới của chủ nghĩa Mác-Lênin, có tính đến yếu tố dân tộc, nhằm thức tỉnh ý thức dân tộc, khơi dậy sức mạnh của mỗi dân tộc đồng thời tạo ra sự tin cậy về chính trị để đoàn kết quốc tế một cách tự nguyện, bình đẳng và có hiệu quả. Quá trình xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh cách mạng đúng đắn của Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tư tưởng, chính trị để tập hợp lực lượng cách mạng trên phạm vi quốc gia và quốc tế của cách mạng Việt Nam. Chính vì thế, Đảng của Hồ Chí Minh vừa là lãnh tụ của

giai cấp công nhân vừa là lãnh tụ của dân tộc Việt Nam, đồng thời là một bộ phận của cách mạng thế giới. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với Cương lĩnh cách mạng đúng đắn đã làm cho cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

Đầu năm 1941, Người về nước cùng với Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Bác cùng Đảng ta xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của Mặt trận dân chủ thế giới chống phát xít, đồng thời giương cao ngọn cờ đoàn kết dân tộc, thành lập Mặt trận Việt Minh, quyết định đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết và trước hết: “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu muôn đời, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”(5). Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng ta, toàn dân Việt Nam không phân biệt đảng phái, tôn giáo, giàu nghèo, đoàn kết dưới lá cờ Việt Minh, nhất tề đứng lên làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thắng lợi.

Sự sáng tạo của Hồ Chí Minh trong việc vận dụng học thuyết xây dựng đảng của chủ nghĩa Mác - Lê nin ở một nước thuộc địa được thực tế cuộc Cách mạng Tháng Tám ở Việt Nam và cách mạng thế giới trong thế kỷ XX chứng minh và kiểm chứng tính đúng đắn và khoa học những sáng tạo trên của Hồ Chí Minh. Đây là sự cống hiến quan trọng của Người vào kho tàng lý luận Mác - Lê nin về xây dựng đảng kiểu mới ở một nước thuộc địa. ■

(1) Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, 2002, t.2, tr.268

(2), (3), (4) Sdd t.3, tr.3, 10, 1.

(5) ĐCSVN: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. CTQG, H, 2000, t.7, tr.113.